

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NINH GIANG  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18/5/2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG- TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Quý Long.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Huy Diệu;

2. Bà Phạm Thị Tuấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quang Đại- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2020/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 12 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13A/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST- HNGĐ ngày 04/5/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1985; (vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

ĐKHKT: Thôn V, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình.

2. *Bị đơn:* Anh Hà Xuân T, sinh năm 1985; (Vắng mặt lần hai)

ĐKHKT và chỗ ở: Thôn V, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – Chị Đỗ Thị H trình bày:* Chị và anh Hà Xuân T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ, huyện N tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/11/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và vợ chồng bất đồng quan điểm sống và phát triển kinh tế gia đình. Anh T thường xuyên chơi bời, không tu chí làm ăn. Mâu thuẫn trầm trọng nên giữa chị và anh T ly thân từ tháng 02/2017 đến nay không ai quan tâm gì đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn anh T.

*Về quan hệ con chung:* Chị và anh T có hai con chung là Hà Đức A, sinh ngày 08/7/2009 và Hà Thị Kim N, sinh ngày 18/4/2011. Hiện con chung là Hà Đức A đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng; con chung Hà Thị Kim N đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị đề nghị giao con Hà Thị Kim N cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Hà

Đức A cho anh Hà Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh Hà Xuân T phải cấp dưỡng cho con. Hiện nay, chị đang làm công nhân tại xưởng may tại xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình (do chị đang làm công trả theo ngày nên không có bảng lương nộp cho Tòa án) còn anh T làm nghề lái xe dịch vụ nên chị và anh T đều có thu nhập ngang nhau.

*Về quan hệ tài sản chung:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn – anh Hà Xuân T:* Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh T đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh đều vắng mặt không có lý do.

*Chính quyền địa phương xã Đ cung cấp:* Chị H và anh T kết hôn với nhau tự nguyện, hợp pháp, quá trình chung sống chị H và anh T thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm được. Do mâu thuẫn trầm trọng chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình sinh sống. Vợ chồng ly thân kể từ thời điểm chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ đến nay, không ai quan tâm gì đến ai. Nay chị H khởi kiện xin ly hôn, giải quyết việc nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật theo hướng giải quyết cho chị H, anh T ly hôn do hai bên đã ly thân từ lâu. Vợ chồng chị H, anh T có hai con chung là Hà Đức A, sinh ngày 08/7/2009 và Hà Thị Kim N, sinh ngày 18/4/2011. Hiện con chung Hà Đức A đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng; con chung Hà Thị Kim N đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. chị H làm công nhân, anh T làm nghề lái xe dịch vụ đều có thu nhập ngang nhau. Đề nghị Tòa án giao mỗi người nuôi một con chung để đảm bảo quyền lợi của các con chung. Đối với giấy triệu tập và thông báo của Tòa án UBND xã đã giao cho bưu tá tổng đạt đến tận tay anh T.

Ông Hà Văn T1 trình bày: Ông là bố đẻ của anh Hà Xuân T xác định anh T và chị H kết hôn tự nguyện, hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 06/11/2021, sau ngày cưới vợ chồng anh, chị vào Miền Nam làm ăn, sinh sống. Đến năm 2014 vợ chồng anh, chị quay về sống cùng với vợ chồng ông thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống và phát triển kinh tế gia đình. Chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình. Anh T, chị H ly thân kể từ thời điểm chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ đến nay, không ai quan tâm gì đến ai. Việc chị H cương quyết xin ly hôn anh T thì gia đình hoàn toàn nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Vợ chồng chị H, anh T có hai con chung là Hà Đức A, sinh ngày 08/7/2009 và Hà Thị Kim N, sinh ngày 18/4/2011. Hiện con chung cháu Hà Đức A đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng; con chung Hà Thị Kim N đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Theo ý kiến của anh T muốn nuôi cả hai con chung nếu chị H đồng ý thì anh T nhất trí đến Tòa án theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án. Lý do anh T không đến theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án là do anh T làm nghề chạy xe dịch vụ, ông là người nhận giấy triệu tập, thông báo của Tòa án đã giao tận tay cho anh T. Anh T có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị H.

Tại phiên Tòa: Chị Đỗ Thị H, anh Hà Xuân T vắng mặt. Tại đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị H đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147

Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Xử cho chị Đỗ Thị H ly hôn anh Hà Xuân T; giao con chung là Hà Thị Kim N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Hà Đức A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh T đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh đều vắng mặt không có lý do; Chị H đề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai song bị đơn - anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại các điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đỗ Thị H và anh Hà Xuân T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Đ, huyện Nnoi sinh sống của anh T tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp.

[3] Chị H khởi kiện xin ly hôn, anh T biết rõ việc chị H khởi kiện xin ly hôn, việc Tòa án triệu tập nhưng anh không đến làm việc, không bày tỏ quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù anh T không đến Tòa án làm việc, trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị H song tại lời khai của chị H, biên bản xác minh ngày 13/4/2020, biên bản lấy lời khai của bố đẻ anh T ngày 13/4/2021 đều xác định do vợ chồng mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống và phát triển kinh tế gia đình. Vợ chồng ly thân đã lâu, không quan tâm đến nhau. Như vậy, việc anh chị đã không chung sống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau từ tháng 02 năm 2017 đến nay đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các đương sự, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H ly hôn anh T.

[4] *Về quan hệ con chung:* Chị H và anh T có hai con chung là Hà Đức A, sinh ngày 08/7/2009 và Hà Thị Kim N, sinh ngày 18/4/2011. Hiện con chung cháu Hà Đức A đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng; con chung Hà Thị Kim N đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị đề nghị giao con chung là Hà Thị Kim N cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Hà Đức A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con; HĐXX thấy rằng, tại biên bản lấy lời khai của cháu Đức Anh có nguyện vọng ở với anh T, cháu Kim Ngân có nguyện vọng ở với chị H. Căn cứ vào quy định của pháp luật, nguyện vọng, điều kiện của các bên, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, HĐXX giao con chung Hà Thị Kim N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Hà Đức A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con.

[5] *Về quan hệ tài sản*: Do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị Đỗ Thị H khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về... án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Đỗ Thị H ly hôn anh Hà Xuân T.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cho chị Đỗ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Hà Thị Kim N, sinh ngày 18/4/2011 cho đến khi đủ 18 tuổi (trưởng thành), giao cho anh Hà Xuân T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Hà Đức A, sinh ngày 08/7/2009 cho đến khi đủ 18 tuổi (trưởng thành); Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đỗ Thị H về việc không yêu cầu anh Hà Xuân T phải cấp dưỡng cho con.

Chị Đỗ Thị H và anh Hà Xuân T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0004401, ngày 15 tháng 12 năm 2020.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang;
- UBND xã Đ, huyện Ninh Giang;
- Dương sự;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Bùi Quý Long**